

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên khoa Công nghệ Thực phẩm đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 286 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 39 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	Cộng
1	Công nghệ thực phẩm	01	-	02	142	145
2	Công nghệ chế biến thủy sản	-	01	04	56	61
3	Công nghệ sau thu hoạch	-	-	02	35	37
4	Công nghệ kỹ thuật hóa học	-	-	-	43	43

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 2013 - 2016	K56 2014 - 2017	K57 2015 - 2018	Cộng
1	Công nghệ thực phẩm	04	10	17	31
2	Công nghệ chế biến thủy sản	-	04	04	08

Điều 2. Trường phòng, khoa, viện liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



Trang Pí Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2018

Theo Quyết định số 1053 /QĐ-ĐHNT ngày 17/ 9 /2018

Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	53130310	Trần Thị Hồng Gấm	15/02/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.CNTP-3	2011-2015
2	55131364	Phạm Thị Hồng Phước	03/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNTP-2	2013-2017
3	55134508	Lê Văn Tuấn	10/10/1995	Nghệ An	Nam	Trung bình	55.CNTP-3	2013-2017
4	56136386	Lê Ngọc Anh	04/09/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Giỏi	56.CNTP-1	2014-2018
5	56131911	Trương Quốc Anh	30/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
6	56131293	Nguyễn Huy Bảo	05/05/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
7	56131905	Nguyễn Thị Thanh Bích	17/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
8	56130311	Nguyễn Thị Bình	10/05/1996	Bình Định	Nữ	Giỏi	56.CNTP-1	2014-2018
9	56130424	Võ Bá Bính	08/10/1996	Gia Lai	Nam	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
10	56130012	Võ Thị Thu Cẩm	04/10/1996	Đà Nẵng	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
11	56131954	Nguyễn Thị Kim Cúc	01/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
12	56130548	Lê Thị Diễm	29/12/1996	Phú Yên	Nữ	Giỏi	56.CNTP-1	2014-2018
13	56130304	Võ Thị Diễm	24/07/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
14	56130730	Lê Thị Thúy Diễm	24/04/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
15	56131792	Phan Thị Khánh Diễm	13/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
16	56136200	Phạm Thị Diệu	10/10/1996	Quảng Nam	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
17	56136234	Hồ Minh Doãn	21/09/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
18	56136775	Trần Thị Hoài Dung	12/06/1996	Quảng Bình	Nữ	Giỏi	56.CNTP-1	2014-2018
19	56130720	Nguyễn Thị Kim Dung	21/07/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
20	56130765	Trương Thị Kim Dung	15/09/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
21	56131956	Trần Thị Mỹ Dung	12/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
22	56136245	Trần Thị Thu Dung	09/06/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
23	56132169	Nguyễn Bá Duy	19/05/1991	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	56.CNTP-1	2014-2018
24	56131565	Nguyễn Văn Duy	17/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
25	56130087	Đào Thị Duyên	22/08/1996	Nghệ An	Nữ	Giỏi	56.CNTP-1	2014-2018
26	56131087	Bùi Lệ Giang	07/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
27	56130157	Võ Thị Thu Hà	14/08/1996	Quảng Nam	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
28	56131691	Huỳnh Thị Thủy Hạ	25/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
29	56131953	Nguyễn Ngọc Hà	03/06/1996	Thanh Hóa	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
30	56132026	Nguyễn Thị Thu Hà	28/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
31	56130422	Trần Thị Hằng	10/08/1996	Quảng Trị	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
32	56130924	Lê Thị Thanh Hằng	09/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
33	56131052	Phạm Thị Mỹ Hạnh	10/04/1996	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	56.CNTP-1	2014-2018
34	56130391	Hồ Ngọc Hạnh	05/06/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
35	56130949	Nguyễn Thị Hạnh	29/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
36	56130880	Lý Thị Thu Hào	14/09/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
37	56130802	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/10/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
38	56131383	Lê Thị Kim Hiền	30/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018



1. Công nghệ thực phẩm

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
39	56136577	Đinh Thị Hiền	08/04/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
40	56130881	Lê Thị Hiếu	03/08/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
41	56136667	Võ Thị Hoài	02/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
42	56130925	Phan Công Hoan	04/11/1992	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	56.CNTP-1	2014-2018
43	56132154	Long Thị Hoàng	06/08/1996	Đắk Nông	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
44	56130332	Nguyễn Thị Hồng	02/08/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
45	56130379	Trần Thị Mỹ Hồng	10/03/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
46	56136580	Văn Thị Huê	08/03/1996	Quảng Trị	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
47	56130196	Nguyễn Thị Hương	26/01/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
48	56130243	Quách Thị Hồng	14/04/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
49	56130277	Nguyễn Xuân Hường	24/12/1996	Bình Định	Nam	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
50	56131427	Phạm Thị Thu Hương	20/04/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
51	56131146	Cao Minh Huy	11/07/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
52	56131516	Trần Thị Thanh Huyền	05/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
53	56136364	Phạm Thị Quý	12/03/1996	QN - Đà Nẵng	Nữ	Giỏi	56.CNTP-1	2014-2018
54	56132600	Kỳ Ngọc Thảo Vy	04/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-1	2014-2018
55	56130440	Nguyễn Duy Khải	12/02/1995	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
56	56136360	Võ Thị Lại	02/08/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
57	56131302	Võ Hoàng Thục Lan	03/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	56.CNTP-2	2014-2018
58	56136397	Hồ Thị Lan	28/07/1996	Nghệ An	Nữ	Giỏi	56.CNTP-2	2014-2018
59	56130079	Phan Thị Linh	16/01/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
60	56131088	Châu Thị Khánh Linh	26/05/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
61	56132027	Trần Thị Như Linh	16/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
62	56136849	Trần Thị Ngọc Linh	11/09/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
63	56130273	Nguyễn Bá Lợi	26/01/1996	Bình Định	Nam	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
64	56130070	Nguyễn Thị Lý	06/09/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
65	56130179	Lê Thị Mai Lý	11/10/1996	Quảng Nam	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
66	56130669	Trần Thị Thiện Lý	23/03/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
67	56136678	Lê Ngọc Mai	01/08/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
68	56131208	Vũ Dương Quang Minh	05/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
69	56130852	Võ Ngọc Mỹ	05/09/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
70	56130043	Lê Thị Na	01/08/1995	Thanh Hoá	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
71	55134235	Nguyễn Thành Nam	19/06/1995	Đắk Lắk	Nam	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
72	56130028	Vũ Thị Huyền Nga	26/10/1996	Thái Bình	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
73	56130123	Hoàng Thị Nga	24/02/1995	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
74	56130406	Hồ Minh Ngân	30/06/1996	Gia Lai	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
75	56136516	Nguyễn Thị Ngân	11/03/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
76	56131718	Nguyễn Thị Kim Ngọc	10/09/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
77	56130223	Phạm Đăng Ngữ	26/04/1996	Quảng Ngãi	Nam	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
78	56131791	Nguyễn Trần Xuân Nguyên	01/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	56.CNTP-2	2014-2018
79	56130646	Nguyễn Thị Hồ Nguyên	21/11/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018

ABU

1. Công nghệ thực phẩm

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
80	Nha	28/09/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
81	Nguyễn Thị Yên	08/05/1996	Quảng Nam	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
82	Trần Yên	20/07/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
83	Đỗ Thị	10/04/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
84	Võ Thị	26/09/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
85	Nguyễn Vũ Hoài	09/09/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
86	Hoàng Thanh	07/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
87	Lê Hồng	11/04/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
88	Quế Thị	16/11/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
89	Trần Thị Thảo	30/08/1996	Quảng Trị	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
90	Ngô Thị	12/10/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
91	Lê Thị Bích	12/07/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
92	Đồng Thị	06/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
93	Ngô Lê Hồng	08/10/1993	Quảng Trị	Nam	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
94	Lao Thị Thục	16/09/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
95	Nguyễn Thị Thúy	11/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
96	Huỳnh Thị Xuân	15/04/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
97	Dương Thị Tuyết	20/10/1996	Kon Tum	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
98	Hồ Thúy	11/06/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
99	Hồ Thị Hiền	26/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	56.CNTP-2	2014-2018
100	H' Rương	06/09/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
101	Nguyễn Thị Hồng	10/12/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
102	Phạm Thị	23/05/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
103	Phan	25/09/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
104	Nguyễn Thị	05/08/1996	Thanh Hoá	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
105	Trần Văn	30/06/1995	Bình Định	Nam	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
106	Trương Văn	11/02/1996	Đắk Lắk	Nam	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
107	Phạm Hải	03/05/1996	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	56.CNTP-3	2014-2018
108	Huỳnh Thị Kim	29/04/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
109	Nguyễn Thị Bích	20/12/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
110	Nguyễn Ngọc Như	04/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
111	Phan Văn	08/10/1996	Bình Định	Nam	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
112	Hoàng Thị Thanh	12/11/1996	Quảng Trị	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
113	Nguyễn Chí	03/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
114	Lê Thị Thu	11/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
115	Bùi Nguyễn Thanh	21/11/1996	Ninh Thuận	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
116	Nguyễn Minh	17/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
117	Hồ Thị Thu	24/07/1996	Ninh Thuận	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
118	Bùi Thị Thanh	07/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
119	Lê Văn	04/11/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
120	Lê Thị	07/02/1996	Quảng Trị	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018



TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
122	56132087	Châu Tiểu Thu	Thường	27/10/1996	Bình Định	Nữ	Giỏi	56.CNTP-3	2014-2018
123	56136204	Nguyễn Thị Thương	Thương	27/10/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
124	56136213	Nguyễn Thị Thu	Thùy	25/06/1996	Bình Định	Nữ	Giỏi	56.CNTP-3	2014-2018
125	56130478	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	25/04/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
126	56132070	Võ Thị Thuý	Trâm	08/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
127	56130481	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/02/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
128	56130526	Lương Huyền	Trang	02/08/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
129	56131493	Phan Thị Xuân	Trang	13/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
130	56131563	Nguyễn Thị Tố	Trinh	12/10/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
131	56130160	Cao Văn	Tuấn	30/06/1996	Buôn Ma Thuột	Nam	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
132	56131049	Trần Ngọc	Tường	25/11/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
133	56131727	Phạm Thị Mỹ	Tuyền	20/09/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
134	56136065	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	26/12/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
135	56132123	Bùi Thị Tuyết	Vân	28/12/1996	Ninh Thuận	Nữ	Giỏi	56.CNTP-3	2014-2018
136	56136340	Trần Thị Thanh	Vân	08/12/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
137	56131906	Nguyễn Thị Kim	Vệ	05/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
138	56131047	Trần Thị Thúy	Vi	02/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	56.CNTP-3	2014-2018
139	56131724	Nguyễn Thị Thúy	Vi	16/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
140	56131857	Tô Trường Khánh	Viên	24/05/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
141	56131209	Trần Nguyễn Chúc	Vy	15/04/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
142	56130532	Nguyễn Thị Kim	Xanh	03/06/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
143	56136274	Đặng Thị Thanh	Xuân	22/08/1994	Thái Bình	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
144	56130116	Nguyễn Thị	Yến	18/04/1996	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
145	56130628	Hồ Thị Kim	Yến	07/05/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNTP-3	2014-2018

Danh sách có 145 sinh viên

2. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131358	Võ Chí Thanh		29/01/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.CBTS	2012-2016
2	55135036	Lê Thị Ngọc	Huyền	20/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CBTS	2013-2017
3	55134542	Trương Thị	Nguyệt	22/03/1995	Quảng Trị	Nữ	Khá	55.CBTS	2013-2017
4	55131765	Quảng Đại Hoàng	Thi	14/03/1995	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55.CBTS	2013-2017
5	55132056	Đỗ Thị Hương	Trâm	12/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CBTS	2013-2017
6	56130063	Trần Hùng	Anh	20/10/1995	Nghệ An	Nam	Khá	56.CBTS	2014-2018
7	56136269	Lê Thị Kiều	Diễm	04/08/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
8	56130614	Nguyễn Thị	Điệp	01/08/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
9	56130082	Vũ Thị	Dung	21/08/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
10	56131846	Bùi Thanh	Dũng	18/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CBTS	2014-2018
11	56136900	Hồ Linh	Dung	04/01/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
12	56130007	Hồ Ngọc	Hạ	26/01/1995	Đà Nẵng	Nam	Khá	56.CBTS	2014-2018
13	56131692	Nguyễn Thị Hồng	Hà	14/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018

2. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
14	56132160	Vi Thị Anh Hà	11/07/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
15	56130556*	Dương Thị Mỹ Hằng	16/01/1996	Phú Yên	Nữ	Giỏi	56.CBTS	2014-2018
16	56130378	Nguyễn Thị Hết	24/09/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
17	56130452	Nguyễn Thị Hoa	02/02/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
18	56131731	Nguyễn Thị Thu Hoài	20/05/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
19	56132138	Chu Minh Hoàng	01/12/1996	Bình Thuận	Nam	Khá	56.CBTS	2014-2018
20	56130308	Nguyễn Gia Hy	11/10/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
21	56130346	Dương Thúy Kiều	20/06/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
22	56130775	Nguyễn Thị Trúc Lam	24/07/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
23	56130136	Lê Thị Lệ	13/11/1996	Quảng Trị	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
24	56136522	Lê Trung Lễ	08/06/1996	Gia Lai	Nam	Khá	56.CBTS	2014-2018
25	56130284	Nguyễn Đắc Lịch	12/11/1996	Bình Định	Nam	Giỏi	56.CBTS	2014-2018
26	56130275	Nguyễn Thị Loan	24/02/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
27	56130042	Lê Thị Minh	28/12/1996	Thanh Hoá	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
28	56136532	Võ Hồng My	01/09/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
29	56130690	Trần Thị Ái Ngân	02/03/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
30	56132462	Trần Xuân Ngân	24/09/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
31	56137024	Nguyễn Thị Ngọc	28/11/1995	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
32	56131847	Phan Thị Tuyết Nhi	09/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
33	56136008	Đỗ Thị Mỹ Nho	08/12/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
34	56131863	Nguyễn Thị Hoài Nhung	25/04/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
35	56130269	Trần Thị Mỹ Nữ	26/01/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
36	56130428	Nguyễn Thị Kim Oanh	26/03/1996	Gia Lai	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
37	56130121	Nguyễn Thị Hoài Phương	04/09/1996	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
38	56132533	Nguyễn Quan Quân	28/02/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CBTS	2014-2018
39	56136552	Châu Thị Lệ Quyền	10/11/1996	Bình Định	Nữ	Giỏi	56.CBTS	2014-2018
40	56130080	Trần Thị Tâm	18/08/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
41	56130276	Nguyễn Thị Thắm	20/11/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
42	56130095	Nguyễn Thị Thao	11/11/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
43	56130103	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/09/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
44	56133017	Trần Thị Bích Thi	22/05/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
45	56130695	Lê Thị Thu Thoa	19/07/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
46	56131848	Trần Thị Thu Thoa	02/11/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
47	56131730	Phạm Thị Minh Thương	02/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
48	56130050	Đào Thị Thúy	15/01/1996	Thanh Hoá	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
49	56130110	Lê Thị Thúy	13/06/1996	Nghệ An	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
50	56130217	Lê Thị Thu Thúy	10/12/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
51	56130351	Lê Thị Thanh Thúy	01/01/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
52	56132127	Nguyễn Thị Kim Thúy	30/07/1996	Ninh Thuận	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
53	56136507	Trần Thị Thu Thủy	19/09/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
54	56130055	Nguyễn Thị Trang	18/06/1996	Thanh Hoá	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018

Handwritten signature

2. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
55	56132483	Huỳnh Thị Thùy Trang	25/02/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
56	56130132	Nguyễn Thành Trung	17/03/1995	Quảng Trị	Nam	Khá	56.CBTS	2014-2018
57	56130357	Đặng Thị Ngọc Tuyền	10/11/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
58	56132356	Phùng Hạ Cẩm Uyên	14/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
59	56130031	Nguyễn Thị Vân	19/11/1996	Quảng Ninh	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
60	56132596	Phạm Thị Xoan	28/11/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
61	56130331	Nguyễn Thị Xuân	10/09/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018

Danh sách có 61 sinh viên

3. Công nghệ sau thu hoạch

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55133976	Bùi Thị Dung	15/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.STH	2013-2017
2	55131770	Hồ Bá Thiên	01/02/1995	Kon Tum	Nam	Khá	55.STH	2013-2017
3	56136473	Huỳnh Thị Bằng	25/01/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
4	56136141	Nguyễn Thế Châu	10/02/1995	Quảng Ngãi	Nam	Khá	56.STH	2014-2018
5	56136566	Hồ Thị Như Châu	02/10/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
6	56132579	Nguyễn Thị Thùy Dung	21/04/1996	Quảng Nam	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
7	56132235	Phạm Thị Bích Duyên	26/12/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
8	56132284	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	03/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
9	56132294	Cao Thị Minh Hiếu	09/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
10	56132550	Võ Phạm Thanh Hoàng	18/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
11	56136321	Lê Hữu Huy	10/05/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.STH	2014-2018
12	56132442	Nguyễn Thị Mỹ Kiều	12/10/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
13	56132247	Trần Thị Bích Loan	07/04/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
14	56132674	Trần Thị Ngọc Luyến	19/04/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
15	56130671	Nguyễn Thảo Mi	01/08/1996	Phú Yên	Nữ	Giỏi	56.STH	2014-2018
16	56131523	Lê Vũ Tuyết Ngân	21/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
17	56131728	Ngô Thị Thuý Ngân	27/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
18	56132463	Đỗ Hữu Nghĩa	16/08/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.STH	2014-2018
19	56136782	Nguyễn Xuân Nguyên	04/11/1996	Bình Định	Nam	Khá	56.STH	2014-2018
20	56136676	Lê Thị Ánh Nguyệt	06/01/1996	Quảng Trị	Nữ	Giỏi	56.STH	2014-2018
21	56132604	Đào Thị Cẩm Nhung	02/09/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
22	56132477	Lê Trương Phong	09/09/1996	Thanh Hóa	Nam	Khá	56.STH	2014-2018
23	56136919	Trần Thị Minh Phước	21/05/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
24	56136645	Trần Thị Như Quỳnh	06/04/1996	Quảng Trị	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
25	56132306	Trần Phương Hoài Tâm	04/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
26	56132459	Dương Thị Thảo	07/09/1995	Bình Định	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
27	56136642	Hoàng Thị Như Thiên	01/01/1996	Quảng Trị	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
28	56132496	Nguyễn Thị Thu Thùy	18/10/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
29	56130482	Nguyễn Thị Thùy Trang	28/03/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
30	56132365	Nguyễn Thị Kiều Trang	18/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
31	56136926	Hồ Nhất Trung	19/07/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.STH	2014-2018

3. Công nghệ sau thu hoạch

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
32	56132373	Phạm Thị Ty	08/07/1995	Quảng Nam	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
33	56136142*	Huỳnh Chấn	03/11/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.STH	2014-2018
34	56132234	Trần Cao Văn	25/11/1996	Bình Định	Nam	Khá	56.STH	2014-2018
35	56130200	Trần Thị Thanh	06/12/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
36	56130778	Nguyễn Thị Trúc	21/08/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018
37	56132280	Phan Trần Minh Vy	01/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.STH	2014-2018

Danh sách có 37 sinh viên

4. Công nghệ kỹ thuật hóa học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56130010	Trần Gia Bảo	20/05/1996	Đà Nẵng	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
2	56132355	Lê Nhật Bình	28/11/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
3	56131422	Nguyễn Thị Anh Đào	12/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
4	56136515	Bùi Thế Dự	14/12/1996	Bình Định	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
5	56136654	Lê Thị Trung Duyên	28/03/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
6	56136711	Nguyễn Trần Khánh Hà	01/07/1995	Đà Nẵng	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
7	56132559	Lưu Thị Bích Hân	11/06/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
8	56135191	Đặng Gia Hân	23/08/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
9	56130348	Trần Thị Thúy Hằng	26/02/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
10	56136541	Phùng Thị Hạnh	10/05/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
11	56136138	Lương Nguyễn Công Hào	14/07/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
12	56130032	Nguyễn Văn Hiếu	27/09/1996	Thái Bình	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
13	56130907	Nguyễn Thị Thu Hường	08/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
14	56136188	Kiều Thị Lài	28/12/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
15	56132273	Võ Thị Mỹ Lệ	27/12/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
16	56130567	Phan Cao Cẩm Ly	10/09/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
17	56136462	Huỳnh Ngô Thục Mi	27/11/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
18	56130229	Nguyễn Thị Kiều My	26/08/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
19	56132678	Nguyễn Trọng Bảo Nguyên	10/05/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
20	56136728	Phạm Thị Vân Nhi	14/08/1996	Kon Tum	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
21	56130584	Nguyễn Minh Nhựt	17/10/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
22	56136908	Phạm Lê Thị Phước	09/03/1995	Đà Nẵng	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
23	56132614	Thắm Thế Quốc	18/04/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
24	56130194	Phạm Thị Kiều Sâm	12/08/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
25	56130338	Đỗ Ngọc Sơn	16/04/1996	Bình Định	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
26	56130445	Nguyễn Tuyết Sơn	17/05/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
27	56130531	Nguyễn Thị Thanh Tâm	12/09/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
28	56131158	Nguyễn Công Thắng	22/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
29	56132585	Lương Thị Thu Thảo	16/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
30	56133048	Trần Thị Kim Thoa	08/05/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
31	56132511	Trần Văn Thoại	10/07/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
32	56136287	Phạm Thị Minh Thư	26/12/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018

4. Công nghệ kỹ thuật hóa học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
33	56132057	Huỳnh Lê Thanh Thủy	07/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
34	56132469	Trần Thị Thanh Thủy	07/06/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
35	56130580	Nguyễn Thị Kim Tín	04/01/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
36	56130763	Trần Văn Tính	15/06/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
37	56136590	Nguyễn Thị Như Trâm	22/03/1996	Bình Định	Nữ	Giỏi	56.CNHH	2014-2018
38	56131002	Tô Thị Trinh	01/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.CNHH	2014-2018
39	56130485	Hà Thị Lệ Trúc	11/11/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56.CNHH	2014-2018
40	56132194	Phan Văn Tuấn	07/10/1995	Hà Tĩnh	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
41	56131643	Nguyễn Trường Tuệ	29/09/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
42	56130599	Phan Văn Vàng	28/07/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNHH	2014-2018
43	56132601	Lê Thị Kim Xuyên	18/09/1995	Thanh Hoá	Nữ	Trung bình	56.CNHH	2014-2018

Danh sách có 43 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2018

Theo Quyết định số 1053 /QĐ-ĐHNT ngày 17/9 /2018

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55161764	Nguyễn Thị Thu Hồng	15/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.CNTP-1	2013-2016
2	55160337	Hồ Thanh Hương	22/09/1994	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-1	2013-2016
3	55161342	Hoàng Thị Minh Tâm	09/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2	2013-2016
4	55162301	Trần Thị Kim Thoa	10/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-3	2013-2016
5	56161136	Lê Anh Giác	28/03/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56C.CNTP-1	2014-2017
6	56162615	Phạm Ngọc Hải	07/03/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTP-1	2014-2017
7	56161732	Nguyễn Văn Hàng	10/07/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTP-1	2014-2017
8	56161961	Đoàn Tuấn Huy	23/11/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTP-1	2014-2017
9	56162525	Trần Thị Lễ	24/07/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-2	2014-2017
10	56162046	Trương Thị Cẩm Mai	08/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-2	2014-2017
11	56162967	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	13/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-2	2014-2017
12	56161055	Nguyễn Thị Hồng Phấn	19/07/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNTP-2	2014-2017
13	56160805	Lê Ngọc Tin	27/10/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56C.CNTP-3	2014-2017
14	56162070	Hoàng Thị Thảo Trang	05/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-3	2014-2017
15	57160195	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/07/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
16	57160896	Thái Mỹ Hạnh	21/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
17	57160043	Nguyễn Thị Hòa Hảo	24/03/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
18	57160578	Trương Tú Kiệt	05/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
19	57160036	Nguyễn Thị Thu Liên	15/04/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
20	57160028	Võ Thị Ánh Linh	24/12/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
21	57160132	Đặng Quỳnh Như	01/02/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
22	57160788	Võ Thị Thùy Nhung	04/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
23	57160141	Châu Thị Thanh Sang	01/01/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018

1. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
24	57160032	Nguyễn Thị Trân	06/02/1995	Quảng Ngãi	Nam	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
25	57160042	Nguyễn Thị Ai	11/10/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
26	57167068	Đặng Thị Mỹ	18/06/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	57C.CNTP-2	2015-2018
27	57160513	Lê Hữu Việt	20/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57C.CNTP-2	2015-2018
28	57160112	Ngô Thị	07/07/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57C.CNTP-2	2015-2018
29	57160462	Đặng Thị Mỹ	03/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57C.CNTP-2	2015-2018
30	57160025	Võ Thị Mỹ	27/04/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	57C.CNTP-2	2015-2018
31	57160065	Trần Thanh	25/01/1997	Bình Định	Nam	Trung bình	57C.CNTP-2	2015-2018

Danh sách có 31 sinh viên

2. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56160422	Huỳnh Châu	09/09/1996	Bình Định	Nam	Khá	56C.CBTS	2014-2017
2	56160492	Lê Hoàng	02/12/1996	Bình Định	Nam	Khá	56C.CBTS	2014-2017
3	56160205	Nguyễn Thị	21/11/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56C.CBTS	2014-2017
4	56163203	Đặng Minh	24/08/1996	Ninh Thuận	Nam	Khá	56C.CBTS	2014-2017
5	57160039	Nguyễn Thị	07/11/1997	Bình Định	Nữ	Trung bình	57C.CBTS	2015-2018
6	57160668	Lê Thị Xuân	15/10/1996	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.CBTS	2015-2018
7	57167061	Nguyễn Thị Hồng	04/03/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57C.CBTS	2015-2018
8	57160832	Nguyễn Thị Phương	24/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57C.CBTS	2015-2018

Danh sách có 08 sinh viên

(Chữ ký)